

5. Doanh thu bán lẻ hàng hoá

Triệu đồng

	Thực hiện tháng 4 năm 2021	Ước tính tháng 5 năm 2021	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 5 năm 2021	Tháng 5 năm 2021 so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 5 năm 2021 so với cùng kỳ năm trước (%)
TỔNG SỐ	3.978.777,43	4.000.568,11	19.669.755,14	114,24	112,81
Lương thực, thực phẩm	2.125.538,19	2.139.549,74	10.497.133,31	112,78	112,40
Hàng may mặc	233.205,03	233.738,14	1.149.198,48	117,29	113,28
Đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình	503.170,72	505.283,91	2.509.890,35	115,94	112,82
Vật phẩm văn hóa, giáo dục	43.866,92	38.962,60	195.652,49	97,20	126,66
Gỗ và vật liệu xây dựng	325.840,99	331.771,29	1.621.719,05	116,03	113,45
Ô tô các loại	13.113,74	13.167,51	64.676,96	114,10	116,14
Phương tiện đi lại (trừ ô tô, kể cả phụ tùng)	111.958,23	112.198,94	555.759,35	112,38	113,58
Xăng, dầu các loại	223.826,28	226.601,72	1.114.297,80	121,96	113,01
Nhiên liệu khác (Trừ xăng, dầu)	93.441,65	93.765,89	463.122,93	113,17	111,62
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	102.773,37	103.153,63	510.042,48	114,89	111,35
Hàng hóa khác	133.174,29	133.320,78	646.299,86	117,27	114,30
Sửa chữa xe có động cơ, mô tô, xe máy và xe có động cơ	68.868,02	69.053,96	341.962,07	114,49	112,01